

I. KINH DOANH VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT

Theo quy định tại Điều 52 Luật đường sắt năm 2017, kinh doanh vận tải đường sắt gồm kinh doanh vận tải hành khách, hành lý và hàng hóa trên đường sắt.

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý và hàng hóa trên đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về vận tải đường sắt trên đường sắt đô thị.

2. QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA DOANH NGHIỆP KINH DOANH VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT

Quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt được quy định tại Điều 53 Luật đường sắt năm 2017. Theo đó:

2.1. Quyền của doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt bao gồm:

- Được cung cấp các thông tin về kỹ thuật, kinh tế, dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt liên quan đến năng lực kết cấu hạ tầng đường sắt;

- Được sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt và dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt trên hệ thống đường sắt để kinh doanh vận tải đường sắt theo quy định;

- Tạm ngừng chạy tàu khi xét thấy kết cấu hạ tầng đường sắt có nguy cơ mất an toàn chạy tàu đồng thời phải thông báo cho doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình;

- Được bồi thường thiệt hại do lỗi doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt hoặc do tổ chức, cá nhân khác gây ra;

- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt bao gồm:

- Tổ chức chạy tàu theo đúng biểu đồ chạy tàu, công lệnh tải trọng, công lệnh tốc độ đã được doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt công bố;

- Ưu tiên thực hiện vận tải phục vụ nhiệm vụ đặc biệt, an sinh xã hội theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Phải ngừng chạy tàu khi nhận được thông báo của doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt;

- Trả tiền sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt, dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt cho doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt;

- Bảo đảm đủ điều kiện an toàn chạy tàu trong quá trình khai thác;

- Chịu sự chỉ đạo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, phối hợp với doanh nghiệp



kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt trong việc phòng, chống sự cố, thiên tai, xử lý tai nạn giao thông đường sắt theo quy định của pháp luật;

- Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;

- Cung cấp các thông tin về nhu cầu vận tải, năng lực phương tiện, thiết bị vận tải cho doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt phục vụ cho việc xây dựng, phân bổ biểu đồ chạy tàu và làm cơ sở xây dựng kế hoạch đầu tư nâng cấp, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt;

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM TRONG KINH DOANH VẬN TẢI HÀNH KHÁCH

Điều 59 Luật đường sắt năm 2017 quy định trách nhiệm bảo hiểm trong kinh doanh vận tải hành khách như sau:

Doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách phải mua bảo hiểm cho hành khách; phí bảo hiểm được tính trong giá vé hành khách.

Vé hành khách, giấy tờ đi tàu là bằng chứng để chi trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

Việc bảo hiểm cho hành khách thực hiện theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.

4. QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA HÀNH KHÁCH

Theo quy định tại Điều 60 Luật đường sắt năm 2017, hành khách có quyền, nghĩa vụ sau đây:



**TÌM HIỂU MỘT SỐ QUY
ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ
KINH DOANH VẬN TẢI
ĐƯỜNG SẮT**

(Theo Luật đường sắt năm 2017)



4.1. Quyền của hành khách bao gồm:

- Được hưởng mọi quyền lợi theo đúng hạng vé và không phải trả tiền vận chuyển đối với hành lý mang theo người trong phạm vi khối lượng và chủng loại theo quy định của doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt;
- Trả lại vé, đổi vé trước giờ tàu chạy và chịu các khoản chi phí (nếu có) theo quy định của doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt;
- Được hoàn trả tiền vé, bồi thường thiệt hại và các chi phí phát sinh khi bị thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và tài sản do lỗi của doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt theo quy định của pháp luật;
- Được bảo hiểm về tính mạng, sức khỏe theo quy định của pháp luật;
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

4.2. Nghĩa vụ của hành khách bao gồm:

- Phải có vé hành khách, vé hành lý và tự bảo quản hành lý mang theo người;
- Bồi thường thiệt hại nếu làm hư hỏng, mất mát tài sản của doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt;
- Chấp hành nghiêm chỉnh nội quy đi tàu và quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI THUÊ VẬN TẢI

Điều 61 Luật đường sắt năm 2017 quy định về quyền, nghĩa vụ của người thuê vận tải như sau:

5.1. Quyền của người thuê vận tải bao gồm:

- Thay đổi hợp đồng vận tải hàng hóa kể cả khi hàng hóa đã giao cho doanh nghiệp

kinh doanh vận tải đường sắt hoặc hàng hóa đã xếp lên toa xe và chịu chi phí phát sinh do thay đổi hợp đồng vận tải;

- Chỉ định lại người nhận hàng khi hàng hóa đó chưa được giao cho người có quyền nhận hàng trước đó; được thay đổi địa điểm giao hàng hoặc yêu cầu vận chuyển hàng hóa trở lại nơi gửi hàng và phải chịu mọi chi phí phát sinh do thay đổi người nhận hàng và địa điểm giao hàng;

- Được bồi thường thiệt hại khi hàng hóa bị mất mát, giảm khối lượng, hư hỏng hoặc giảm chất lượng, quá thời hạn vận chuyển do lỗi của doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt gây ra theo quy định của pháp luật.

5.2. Nghĩa vụ của người thuê vận tải bao gồm:

- kê khai hàng hóa trung thực và chịu trách nhiệm về việc kê khai đó;

- Trả tiền vận tải đúng thời hạn, hình thức thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng;

- Thực hiện việc đóng gói hàng hóa và các điều kiện vận chuyển hàng hóa theo hướng dẫn của doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt;

- Giao hàng hóa cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt đúng thời hạn, địa điểm;

- Cung cấp giấy tờ, tài liệu và thông tin cần thiết khác về hàng hóa;

- Bồi thường thiệt hại do việc kê khai không trung thực về hàng hóa gây thiệt hại cho doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt hoặc thiệt hại khác do lỗi của mình gây ra theo quy định của pháp luật